

Số: 125/QĐ-HVDT

Hà Nội, ngày 30 tháng 7 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành chương trình đào tạo
ngành Kinh tế giáo dục vùng dân tộc thiểu số của Học viện Dân tộc**

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN DÂN TỘC

Căn cứ Quyết định số 407/QĐ-UBND ngày 11 tháng 7 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Dân tộc;

Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 9 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Kết luận của Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo ngành Kinh tế giáo dục vùng dân tộc thiểu số của Học viện Dân tộc họp ngày 13 tháng 07 năm 2021;

Căn cứ Kết luận của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Học viện Dân tộc họp về việc thông qua Chương trình đào tạo ngành Kinh tế giáo dục vùng dân tộc thiểu số ngày 28 tháng 7 năm 2021;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng Khoa Cơ bản.

QUYẾT ĐỊNH:

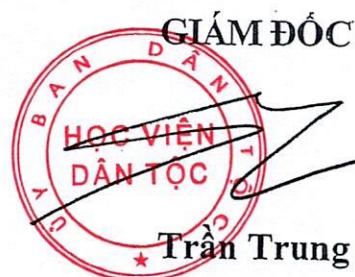
Điều 1. Ban hành chương trình đào tạo ngành Kinh tế giáo dục vùng dân tộc thiểu số của Học viện Dân tộc (có chương trình đào tạo kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 123/QĐ-HVDT ngày 07 tháng 6 năm 2019 của Giám đốc Học viện Dân tộc về việc ban hành chương trình đào tạo ngành Kinh tế giáo dục của Học viện Dân tộc.

Điều 3. Chánh Văn phòng Học viện, Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng Khoa Cơ bản, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Giám đốc Học viện;
- Công TTĐT HVDT;
- Lưu: VT, ĐT, CB (05).



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số **125/QĐ-HVDT** ngày **30** tháng **7** năm 2021
của Giám đốc Học viện Dân tộc)

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO
(LEVEL OF EDUCATION):

ĐẠI HỌC (UNDERGRADUATE)

NGÀNH ĐÀO TẠO (MAJOR):

KINH TẾ GIÁO DỤC VÙNG
DÂN TỘC THIỂU SỐ

MÃ NGÀNH ĐÀO TẠO (CODE):

LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO
(TYPE OF EDUCATION):

CHÍNH QUY (FULL - TIME)

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo cử nhân ngành Kinh tế giáo dục vùng dân tộc thiểu số đào tạo ra những sinh viên tốt nghiệp có đủ kiến thức, kỹ năng, phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong và năng lực nghề nghiệp thực hành tương xứng với trình độ được đào tạo, có khả năng phân tích chính sách và giải quyết các vấn đề thuộc các lĩnh vực, các cấp khác nhau của nền kinh tế nói chung và lĩnh vực giáo dục nói riêng. Người học có thể tiếp tục học các khóa học chuyên sâu hoặc nâng cao sau khi tốt nghiệp.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Về kiến thức:

Cử nhân chuyên ngành Kinh tế giáo dục vùng dân tộc thiểu số có kiến thức về khoa học xã hội và nhân văn, ngôn ngữ và văn hóa, khoa học Mác-Lênin; tư tưởng Hồ Chí Minh; đường lối cách mạng của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Có kiến thức cơ bản và chuyên sâu về kinh tế học ứng dụng trong giáo dục và quản lý giáo dục; có kiến thức và kỹ năng phân tích, đánh giá, hoạch

**ỦY BAN DÂN TỘC
HỌC VIỆN DÂN TỘC**

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

**NGÀNH: KINH TẾ GIÁO DỤC
VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ**

HÀ NỘI, 2021



định, tổ chức thực hiện và giải quyết các vấn đề kinh tế thuộc các lĩnh vực, các cấp khác nhau của nền kinh tế quốc dân nói chung và lĩnh vực giáo dục đào tạo nói riêng ở vùng dân tộc thiểu số.

Về kỹ năng: Sau khi sinh viên tốt nghiệp ngành Kinh tế giáo dục vùng dân tộc thiểu số sẽ có năng lực thực hiện, phân tích, đánh giá và hoạch định các chính sách kinh tế, đặc biệt trong lĩnh vực giáo dục.

Có năng lực hoàn thành công việc phức tạp đòi hỏi vận dụng kiến thức lý thuyết và thực tiễn của ngành được đào tạo trong những bối cảnh khác nhau; có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin, tổng hợp ý kiến tập thể và sử dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ để giải quyết những vấn đề thực tế hay trừu tượng trong lĩnh vực được đào tạo; có năng lực dẫn dắt chuyên môn để xử lý những vấn đề quy mô địa phương và vùng miền;

Có năng lực ngoại ngữ ở mức có thể hiểu được các ý chính của một báo cáo hay bài phát biểu về các chủ đề quen thuộc trong công việc liên quan đến ngành được đào tạo; có thể sử dụng ngoại ngữ để diễn đạt, xử lý một số tình huống chuyên môn thông thường; có thể viết được báo cáo có nội dung đơn giản, trình bày ý kiến liên quan đến công việc chuyên môn.

Có năng lực tự học, tự nghiên cứu, trải nghiệm các kỹ năng mềm để tự phát triển và giải quyết các vấn đề trong thực tiễn nghề nghiệp và học tập nâng cao.

Về thái độ: Chủ động, tự giác, linh hoạt; có đạo đức nghề nghiệp, có tinh thần trách nhiệm; cảm thông, quan tâm và có ý thức trách nhiệm với người khác; trung thực, chân thành; kín đáo, bảo mật; tôn trọng pháp luật, nội quy, kỷ luật; khách quan, công bằng; cầu tiến, ham học; tự tin, lạc quan; có phẩm chất đạo đức, có ý thức chính trị và ý thức xã hội của công dân, lối sống lành mạnh; yêu nghề, thực hiện đúng quy định về đạo đức nghề nghiệp.

Nơi làm việc: Sau khi tốt nghiệp ngành Kinh tế giáo dục vùng dân tộc thiểu số, sinh viên có thể làm việc tại các nhà trường, các cơ sở giáo dục, các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục, các tổ chức dịch vụ công ở các lĩnh vực tài chính, giáo dục, các tổ chức phi chính phủ, các doanh nghiệp ở các lĩnh vực kinh tế...

Chuyên viên, nhân viên marketing, cán bộ quản lý tại các cơ sở giáo dục, các viện nghiên cứu, tạp chí, các bộ phận chuyên trách về giáo dục và phát triển nguồn nhân lực trong các cơ quan quản lý nhà nước, các doanh nghiệp, tập đoàn, tổ chức; giảng viên giảng dạy kinh tế giáo dục tại các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp; nghiên cứu viên nghiên cứu về kinh tế, nghiên cứu cơ sở kinh tế học cho việc phát triển các chính sách trong lĩnh vực giáo dục ở cấp độ vi mô và vĩ mô trong các cơ sở giáo dục, công ty, viện nghiên cứu, các cơ quan, tổ chức các dự án trong nước và quốc tế; Cán bộ trong triển khai các dự án, đề tài trong các chương trình mục tiêu quốc gia.

Khả năng học tập nâng cao trình độ: Có khả năng học sau đại học (thạc sĩ, tiến sĩ) trong nước và ngoài nước trong các chuyên ngành như: Kinh tế học, Giáo dục học, Quản lý giáo dục; có khả năng nghiên cứu và ứng dụng những kết quả nghiên cứu trong hoạt động của tổ chức.

Trình độ ngoại ngữ, tin học: Tiếng Anh, Tin học theo khung chuẩn quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo.

Sinh viên khi nhận bằng tốt nghiệp phải có chứng chỉ ngoại ngữ với trình độ sau: Bậc đại học phải có chứng chỉ ngoại ngữ bậc 3 (B1). Miễn học tiếng Anh đối với sinh viên trong chương trình đào tạo đại học chính quy của các ngành đào tạo có 03 học phần ngoại ngữ (Ngoại ngữ 1, Ngoại ngữ 2, Ngoại ngữ chuyên ngành). (1). Sinh viên có chứng chỉ ngoại ngữ bậc (A1) hoặc tương đương, sẽ được miễn thi học phần Ngoại ngữ 1; (2). Sinh viên có chứng chỉ ngoại ngữ bậc 2 (A2) hoặc tương đương, sẽ được miễn thi học phần Ngoại ngữ 1 và học phần Ngoại ngữ 2. (3). Sinh viên có chứng chỉ ngoại ngữ bậc 3 (B1) hoặc tương đương, sẽ được miễn thi các học phần ngoại ngữ. Sinh viên có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế hoặc chứng chỉ ngoại ngữ do các trung tâm ngoại ngữ khác cấp, muốn miễn thi phải làm đơn nộp phòng Đào tạo thẩm định.

Không áp dụng chuẩn ngoại ngữ đối với sinh viên nước ngoài.

- Nắm vững và sử dụng tốt tiếng Anh, Tin học văn phòng; biết khai thác hiệu quả Internet phục vụ công việc, nghiên cứu; có khả năng sử dụng một số phần mềm chuyên ngành phục vụ cho hoạt động nghề nghiệp.

2. Chuẩn đầu ra

Khối kiến thức, kỹ năng	Mô tả	Chuẩn đầu ra
Kiến thức chung	Kiến thức chung về lý luận chính trị, khoa học tự nhiên và xã hội, kiến thức về ngoại ngữ và tin học.	C1. Có kiến thức về khoa học xã hội và nhân văn, ngôn ngữ và văn hóa, khoa học Mác-Lênin; tư tưởng Hồ Chí Minh; đường lối cách mạng của Đảng, pháp luật của Nhà nước. C2. Hiểu và nắm được những kiến thức chung về cộng đồng các dân tộc thiểu số Việt Nam và đặc điểm vùng đồng bào dân tộc thiểu số. C3. Giải thích và áp dụng được các kiến thức chuyên môn bằng phương pháp luận nghiên cứu khoa học. C4. Sử dụng tốt ngoại ngữ đạt tối thiểu trình độ B1 (khung tham chiếu Châu Âu), từ IELTS 4.0 trở lên (hoặc các chứng chỉ khác tương đương). C5. Có khả năng tin học đạt tối thiểu chứng chỉ tin học quốc tế IC3, (Internet and Computing Core Certification), hoặc các chứng chỉ tương đương. C6. Về giáo dục thể chất và quốc phòng an ninh: - Về Giáo dục Thể chất: Có kiến thức, kỹ năng vận động cơ bản, hình thành thói quen luyện tập thể dục, thể thao để nâng cao sức khỏe, phát triển thể lực, tầm vóc, hoàn thiện nhân cách, nâng cao khả năng học tập, kỹ năng hoạt động xã hội với tinh thần, thái độ

Khối kiến thức, kỹ năng	Mô tả	Chuẩn đầu ra
		tích cực, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện. - Về giáo dục Quốc phòng, an ninh: Có hiểu biết cơ bản về chủ trương, đường lối quốc phòng, an ninh của Đảng, Nhà nước về xây dựng nên quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, yêu chủ nghĩa xã hội. Nắm được kiến thức cơ bản về công tác quốc phòng và an ninh trong tình hình mới. Thành thạo điều lệnh đội ngũ từng người có súng, biết đội ngũ đơn vị; có hiểu biết chung về các quân binh chủng trong quân đội nhân dân Việt Nam; có hiểu biết ban đầu về bản đồ quân sự; biết cách phòng tránh địch tiến công hòa lực bằng vũ khí công nghệ cao. Thực hiện được kỹ năng cơ bản về kỹ thuật chiến đấu bộ binh, chiến thuật từng người trong chiến đấu tiến công, phòng ngự và làm nhiệm vụ canh gác, biết sử dụng súng tiểu liên AK, lựu đạn.
Khối kiến thức Cơ sở ngành	Các kiến thức cơ bản về chuyên môn với 02 hướng ngành: Quản lý kinh tế và Quản trị giáo dục vùng dân tộc thiểu số.	C7. Có kiến thức về quản trị kinh tế, kinh tế vĩ mô, kinh tế vi mô. C8. Có hiểu biết về quản lý giáo dục, tâm lý học và phân tích dữ liệu kinh tế xã hội. C9. Có kiến thức cơ bản về công tác dân tộc, chính sách dân tộc, và phát triển nhân lực dân tộc thiểu số

Khối kiến thức, kỹ năng	Mô tả	Chuẩn đầu ra
		C10. Có kiến thức và kỹ năng giải quyết các vấn đề chuyên môn: 10.1. Hướng ngành Quản trị giáo dục: Quản lý nhà nước về giáo dục, hệ thống giáo dục quốc dân, sử dụng thông kê trong giáo dục và quản lý thông tin. 10.2. Hướng ngành Quản lý kinh tế: Quản lý nhà nước về kinh tế, hệ thống kinh tế quốc tế và hệ thống kinh tế quốc dân.
Khối kiến thức chuyên ngành	Các kiến thức chuyên sâu về chuyên môn với 02 hướng ngành: Quản lý kinh tế và Quản trị giáo dục vùng dân tộc thiểu số.	C11. Có khả năng phân tích và dự báo các vấn đề về kinh tế, xã hội vùng dân tộc thiểu số, các hoạt động kinh tế doanh nghiệp, các hợp đồng đầu tư, phát triển vùng dân tộc thiểu số và ứng dụng công nghệ trong quản lý kinh tế và hoạt động kinh doanh. C12. Có khả năng phân tích và dự báo về quản lý giáo dục vùng dân tộc thiểu số, phát triển giáo dục cộng đồng, chuyển đổi số trong giáo dục vùng dân tộc thiểu số và có kỹ năng thực hiện các nghiệp vụ ở các cơ sở giáo dục. C13. Có kiến thức về quản lý một số lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, công nghệ và tài nguyên môi trường ở vùng dân tộc thiểu số. C14. Có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về các lĩnh vực chuyên môn: 14.1. Hướng ngành Quản trị giáo dục: Quản trị các loại hình

Khối kiến thức, kỹ năng	Mô tả	Chuẩn đầu ra
		cơ sở giáo dục, giáo dục ngôn ngữ dân tộc thiểu số và khởi nghiệp 14.2. Hướng ngành Quản lý kinh tế: Lịch sử học thuyết kinh tế, quản lý tài chính công và công cộng, phân tích chiến lược kinh doanh và thị trường chứng khoán.
Kỹ năng chung		C15. Xử lý tốt được những tình huống trong thực hành nghề nghiệp được đào tạo. C16. Tổ chức công việc và quản lý thời gian hiệu quả. C17. Xây dựng bài thuyết trình và tích cực phản biện trong các buổi thảo luận nhóm trên các diễn đàn thuộc chuyên môn và công việc cá nhân phụ trách.
Năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm	Các năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm cơ bản trong hoạt động nghề nghiệp.	C18. Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm. C19. Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định. Trung thực, chân thành, kín đáo, bảo mật; Tôn trọng pháp luật, nội quy, kỷ luật; Khách quan, công bằng, cầu tiến, ham học, C20. Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân. C21. Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động

3. Thời gian đào tạo: 4 năm

4. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 141 tín chỉ

- Khối kiến thức giáo dục đại cương: 41 tín chỉ

(Bao gồm Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh)

- Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 90 tín chỉ

- Thực tập và khóa luận: 10 tín chỉ

5. Đối tượng tuyển sinh

Theo quy chế hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo về tuyển sinh đại học hệ chính quy.

6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Đào tạo theo hệ thống tín chỉ, tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định của Chương trình đào tạo. Thực hiện theo Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục Đào tạo.

7. Cách thức đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ *(Theo Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT)*.

8. Khung chương trình đào tạo

Trong đó:

- Kiến thức giáo dục đại cương: 41 tín chỉ *(Bao gồm Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng – An ninh)*

- Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 90 tín chỉ

Trong đó:

+ Kiến thức cơ sở ngành: 30 tín chỉ;

+ Kiến thức ngành: 60 tín chỉ;

+ Thực tập và khóa luận cuối khóa 10 tín chỉ.

Chi tiết như sau:

STT/ mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/TH)	Ghi chú
8.1. Kiến thức giáo dục đại cương: 41 tín chỉ (Tính cả Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng – An ninh)				
THML1101	Triết học Mác-Lênin	Theo Quyết định số 52/QĐ-BGDDH ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; Công văn số 3056/BGDĐT-GDDH ngày 19/7/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện chương trình, giáo trình các môn lý luận chính trị.	3 TC (30/30/90)	
CTCB1102	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	Theo Quyết định số 52/QĐ-BGDDH ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; Công văn số 3056/BGDĐT-GDDH ngày 19/7/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện chương trình, giáo trình các môn lý luận chính trị.	2 TC (20/20/60)	

STT/ mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/TH)	Ghi chú
CNCB1103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Theo Quyết định số 52/QĐ- BGDDH ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; Công văn số 3056/BGDĐT-GDDH ngày 19/7/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện chương trình, giáo trình các môn lý luận chính trị.	2 TC (20/20/60)	
TTCB1104	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Theo Quyết định số 52/QĐ- BGDDH ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; Công văn số 3056/BGDĐT- GDDH ngày 19/7/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện chương trình, giáo trình các môn lý luận chính trị.	2 TC (20/20/60)	

STT/ mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/TH)	Ghi chú
LSCB1105	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Theo Quyết định số 52/QĐ- BGDDH ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; Công văn số 3056/BGDĐT-GDDH ngày 19/7/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện chương trình, giáo trình các môn lý luận chính trị.	2 TC (20/20/60)	
PLCB1106	Pháp luật đại cương	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật; nội dung về pháp luật chuyên ngành (Luật Hiến pháp, Luật Hành chính, Luật Dân sự, Luật Lao động, Luật Hình sự); bổ sung một nội dung mới (Pháp luật về phòng, chống tham nhũng) theo yêu cầu của Bộ Giáo dục và đào tạo;	2 TC (20/20/60)	
ELCB1107	Tiếng Anh 1	Sinh viên đạt được trình độ ngoại ngữ bậc A2 theo khung tham chiếu Châu Âu	3TC (15/60/45)	
ELCB1108	Tiếng Anh 2	Sinh viên đạt được trình độ ngoại ngữ bậc B1 theo khung tham chiếu Châu Âu	3TC (15/60/45)	

STT/ mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/TH)	Ghi chú
TICB1109	Tin học cơ sở	Học phần Tin học cơ sở gồm 6 chương với các nội dung: Các kiến thức cơ bản liên quan đến thông tin, máy tính điện tử và Công nghệ thông tin; Các khái niệm cơ bản về hệ điều hành và cách sử dụng hệ điều hành; Phần mềm soạn thảo văn bản Microsoft Word; Phần mềm xử lý bảng tính Microsoft Excel; Phần mềm trình chiếu Microsoft PowerPoint; Các kiến thức cơ bản về mạng máy tính, Internet, bản quyền và pháp luật.	3TC (15/60/45)	
NCCB1110	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	Cung cấp những thông tin, kiến thức cơ bản, các bước trong nghiên cứu khoa học, kỹ thuật cần thiết để tiếp cận phương pháp thí nghiệm; cách trình bày các kết quả nghiên cứu khoa học.	2 TC (20/20/60)	
DTVH1111	Các dân tộc thiểu số Việt Nam	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và khái quát về các dân tộc thiểu số Việt Nam (điều kiện tự nhiên, xã hội, lịch sử phát triển, các đặc điểm ngôn ngữ, văn hóa, tính cách, quá trình phát triển kinh tế - xã hội...); trang bị thêm những kiến thức về quan điểm và hệ thống chính sách phát triển vùng dân tộc thiểu số của Đảng và Nhà nước ta.	3 TC (30/30/90)	

STT/ mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/TH)	Ghi chú
TCCB1112	Giáo dục thể chất	Thực hiện theo Thông tư số 25/2015/TT-BGDĐT ngày 14/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chương trình môn học Giáo dục thể chất thuộc các chương trình đào tạo trình độ đại học.	3 TC	
QPCB1113	Giáo dục quốc phòng - an ninh	Thực hiện theo Thông tư 05/2020/TT-BGDĐT ngày 18/3/2020 về việc ban hành Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.	11 TC	
8.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 90 tín chỉ				
8.2.1. Kiến thức cơ sở ngành: 30 tín chỉ				
8.2.1.1. Khối kiến thức bắt buộc: 24 tín chỉ				
QTQL1114	Quản trị học	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về quản trị học: quản trị một tổ chức, hoạt động quản trị, nhà quản trị với các kỹ năng cần có và vai trò, chức năng nhiệm vụ phải làm; nguồn gốc các biện pháp tăng năng suất lao động; những yếu tố tác động ảnh hưởng đến hoạt động của tổ chức để sẵn sàng thích ứng; vai trò của thông tin với quyết định quản trị, quy trình ra quyết định	3TC (30/30/90)	

STT/ mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/TH)	Ghi chú
		quản trị; nội dung các chức năng quản trị và quy trình tổ chức thực hiện từng chức năng quản trị.		
VMQL1115	Kinh tế học vĩ mô	Môn học này sẽ giúp sinh viên có cái nhìn tổng thể về kinh tế vĩ mô, hiểu biết về các vấn đề vĩ mô như GDP, lạm phát, thất nghiệp, lãi suất, tỷ giá hối đoái, cán cân thương mại... Ngoài ra, môn học cũng giới thiệu các công cụ mà chính phủ sử dụng để điều tiết kinh tế vĩ mô trong kinh tế thị trường.	3 TC (30/30/90)	
VMQL1116	Kinh tế học vi mô	Phân tích khía cạnh chi tiết cách thức vận động của nền kinh tế thị trường thông qua 2 thành phần cơ bản là hộ gia đình và doanh nghiệp, các quy luật vận động. Các đề tài gồm lý thuyết về cung, cầu, hành vi người tiêu dùng, hành vi của doanh nghiệp và các cấu trúc thị trường. Kết thúc môn học, sinh viên có đủ khả năng đánh giá các bộ phận cấu thành kinh tế quốc gia, các điều kiện và các lựa chọn khác nhau nhằm đạt được các mục tiêu kinh tế - xã hội.	3 TC (30/30/90)	

STT/ mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/TH)	Ghi chú
KQCB1117	Khoa học quản lý	Cung cấp hệ thống tri thức cơ bản, có tính lý luận chung về quản lý. Nắm vững các nguyên lý quản lý, quy luật quản lý, các phạm trù và các khái niệm cơ bản của khoa học quản lý.	3 TC (30/30/90)	
TQCB1118	Tâm lý học quản lý	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tâm lý nhân viên và tâm lý nhà quản lý; trang bị những kiến thức cần thiết về tâm lý con người, sau đó ứng dụng vào quá trình tuyển dụng và sử dụng nguồn nhân lực như biết dùng các yếu tố tâm lý để thuyết phục nhân viên, động viên khuyến khích hay giữ chân nhân viên...; giúp các nhà quản lý tự đánh giá chính bản thân mình để chọn cho mình một phong cách lãnh đạo, điều chỉnh hành vi, cách giao tiếp sao cho phù hợp.	3 TC (30/30/90)	
PDCB1119	Phân tích dữ liệu	Sau khi kết thúc học phần sinh viên sẽ nắm được: phương pháp thu thập dữ liệu; cách thức xử lý dữ liệu (xử lý dữ liệu định lượng, xử lý dữ liệu định tính); các phần mềm xử lý dữ liệu; thành thạo các kỹ năng để phân tích dữ liệu (xây dựng	2 TC (20/20/60)	

STT/ mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/TH)	Ghi chú
		được bảng hỏi trong điều tra, thu thập dữ liệu kinh tế, xã hội; xử lý được dữ liệu định lượng, dữ liệu định tính; sử dụng được phần mềm SPSS, phần mềm R, phần mềm NVivo).		
CDCB1120	Công tác dân tộc	Cung cấp những kiến thức cơ bản về công tác dân tộc, giúp người học nhận thức đúng đắn về quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước, các vấn đề dân tộc và công tác dân tộc... từ đó người học có thể vận dụng lý luận, phương pháp và các kỹ năng nghề nghiệp cho công việc sau này.	3 TC (30/30/90)	
CSCB1121	Chính sách dân tộc	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quan về chính sách dân tộc, cơ sở lý luận và thực tiễn của chính sách dân tộc; quy trình xây dựng, tổ chức thực hiện chính sách dân tộc ở Việt Nam; quy trình phân tích, đánh giá chính sách dân tộc; về chính sách dân tộc ở một số quốc gia trên thế giới; nâng cao hiệu quả chính sách dân tộc ở Việt Nam giai đoạn hiện nay.	2 TC (20/20/60)	

STT/ mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/TH)	Ghi chú
NLCB1122	Phát triển nhân lực dân tộc thiểu số	Cung cấp các vấn đề cơ bản về giáo dục vùng dân tộc thiểu số; chính sách phát triển giáo dục cho vùng dân tộc thiểu số; thực trạng và những thách thức trong phát triển nguồn nhân lực dân tộc thiểu số; mục tiêu thiên niên kỷ về giáo dục; các giải pháp phát triển nguồn nhân lực dân tộc thiểu số.	2 TC (20/20/60)	
8.2.1.2. Khối kiến thức tự chọn: 6 tín chỉ (SV chọn các môn học theo 02 hướng ngành Quản lý kinh tế và Quản trị Giáo dục, tích lũy đủ 06 tín chỉ mỗi hướng ngành)				
Hướng ngành Quản lý kinh tế (SV chọn 06/15 tín chỉ)				
KQQL1123	Kinh tế quốc tế	Trang bị cho sinh viên những nội dung cơ bản: lý thuyết và chính sách thương mại quốc tế; tác động của chính sách thương mại, chính sách vĩ mô trong nền kinh tế mở; các khái niệm cơ bản (tỷ giá hối đoái, thị trường ngoại hối, cán cân thanh toán quốc tế...); hiểu được nguồn gốc của thương mại quốc tế; tác động của các công cụ trong chính sách thương mại quốc tế đến phát triển kinh tế xã hội.	3 TC (39/12/117)	

STT/ mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/TH)	Ghi chú
NKQL1124	Nguyên lý kế toán	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, tổng hợp và có hệ thống của môn kế toán đại cương bao gồm: việc trình bày và giải thích đối tượng của kế toán, các phương pháp thu thập, xử lý, cung cấp thông tin kế toán; một số nghiệp vụ kế toán cơ bản trong các đơn vị; cách lập và trình bày báo cáo tài chính...	3 TC (30/30/90)	
LTQL1125	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	Cung cấp những nội dung cơ bản về tài chính tiền tệ như: tổng quan về tài chính - tiền tệ; bản chất, chức năng của tài chính tiền tệ; cung - cầu tiền; các khối tiền; hệ thống tài chính; vị trí, vai trò của các khâu trong hệ thống tài chính; lý luận về thị trường tài chính; khái quát những nội dung chủ yếu của hoạt động tài chính trong các lĩnh vực khác nhau như: ngân hàng, bảo hiểm, tín dụng, tài chính doanh nghiệp, tài chính quốc tế... Môn học không đi sâu vào các vấn đề có tính chất kỹ thuật, nghiệp vụ của công tác tài chính tiền tệ mà tập trung những vấn đề lý luận cơ bản về tài chính tiền tệ, những vấn đề có tính nguyên tắc, những tư tưởng quan điểm cơ bản, những định hướng lớn về tổ	3TC (39/12/117)	

STT/ mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/TH)	Ghi chú
		chức và sử dụng tài chính tiền tệ trong điều kiện kinh tế thị trường ở Việt Nam.		
LKQL1126	Lịch sử kinh tế Việt Nam	Giới thiệu các giai đoạn trong quá trình phát triển kinh tế của các nước (các nước tư bản chủ nghĩa, các nước xã hội chủ nghĩa, các nước đang phát triển...) trong đó có Việt; cung cấp những dẫn chứng thực tiễn về mối quan hệ giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất trong từng giai đoạn phát triển cụ thể; xem xét các chính sách can thiệp của chính phủ vào nền kinh tế trong các thời kỳ này. Trên cơ sở đó, sinh viên có thể rút ra được những quy luật và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam.	3 TC (30/30/90)	
NTQL1127	Nguyên lý thống kê	Tìm hiểu hệ thống các phương pháp chuyên môn của thống kê (phương pháp quan sát số lớn, phương pháp số tuyệt đối, tương đối, bình quân, chỉ số...); thu thập, tính toán và tổng hợp số liệu; phân tích, đánh giá các số liệu đó trong điều kiện thời gian và không gian nhất định nhằm chỉ ra bản chất, tính quy luật và dự báo các mức độ của các hiện tượng trong tương lai.	3 TC (30/30/90)	

STT/ mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/TH)	Ghi chú
Hướng ngành Quản trị giáo dục (Sinh viên chọn 06/10 tín chỉ)				
LGCB1128	Lịch sử giáo dục Việt Nam	Học phần này giới thiệu được những nét cơ bản về giáo dục Việt Nam qua các giai đoạn khác nhau thông qua việc trình bày một cách có hệ thống các kiến thức cơ bản về lịch sử giáo dục (Các tác giả, tác phẩm và tư tưởng giáo dục của các tác giả tiêu biểu).	2 TC (20/20/60)	
QNCB1129	Quản lý nhà nước về giáo dục	Trang bị kiến thức cơ bản cho ngành quản lý giáo dục và là tiền đề để sinh viên học các học phần tiếp theo như: đảm bảo và kiểm định chất lượng trong giáo dục; thống kê trong giáo dục; các phương pháp khoa học ứng dụng trong quản lý giáo dục.	2 TC (20/20/60)	
GDCB1130	Giáo dục học	Sinh viên nắm vững hệ thống những lý luận hệ thống những lý luận cơ bản về giáo dục học đại cương, như: đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu giáo dục học; các khái niệm của giáo dục học; môi trường, giáo dục và hoạt động cá nhân đối với sự hình thành, phát triển nhân cách;	2 TC (20/20/60)	

STT/ mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/TH)	Ghi chú
		mục tiêu giáo dục Việt Nam và những nhiệm vụ giáo dục trong nhà trường; những vấn đề cơ bản của lý luận dạy học và lý luận giáo dục.		
TGCB1131	Thống kê trong giáo dục	Học phần này trình bày theo cách tiếp cận thống kê ứng dụng trong giáo dục: một số bài toán xác suất thường gặp, bài toán tính toán các đại lượng đặc trưng của một tập số đo trong giáo dục, đánh giá tập số đo, so sánh các đại lượng đặc trưng của hai tập số đo, một số bài toán phân tích nhân tố và bài toán phi tham số điển hình trong giáo dục, đồng thời hướng dẫn sử dụng phần mềm Excel để tính toán, nhằm thực hiện được mục tiêu môn học đã đề ra ở trên.	2 TC (20/20/60))	
HGCB1132	Hệ thống giáo dục quốc dân	Học phần phân tích lý luận cơ bản về hệ thống giáo dục quốc dân bao gồm: khái niệm, phạm trù của hệ thống giáo dục quốc dân; khái quát về hệ thống giáo dục quốc dân; hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam; nhà trường trung học trong hệ thống giáo dục quốc dân.	2 TC (20/20/60)	

STT/ mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/TH)	Ghi chú
8.2.2. Kiến thức ngành: 60 tín chỉ				
8.2.2.1. Các học phần bắt buộc: 48 tín chỉ				
LKQL1133	Luật kinh tế	Học phần đề cập những nội dung chính: những khái niệm cơ bản của pháp luật thực định điều chỉnh các hoạt động kinh doanh (địa vị pháp lý của các chủ thể kinh doanh, chế định hợp đồng, cơ chế giải quyết tranh chấp và vấn đề phá sản); trang bị cho sinh viên những kiến thức pháp luật có liên quan đến hoạt động kinh doanh (chủ thể kinh doanh, hợp đồng kinh doanh, cơ chế giải quyết tranh chấp, vấn đề phá sản của chủ thể kinh doanh); rèn luyện cho sinh viên kỹ năng giải quyết các tình huống pháp luật trong thực tế.	3 TC (30/30/90)	
KPQL1134	Kinh tế phát triển	Học phần kinh tế phát triển sẽ trang bị cho sinh viên những kiến thức: tăng trưởng và phát triển kinh tế; các lý thuyết phát triển kinh tế; các nguồn lực phát triển kinh tế; phúc lợi cho con người và phát triển kinh tế; toàn cầu hóa và nền kinh tế tri thức...	3 TC (30/30/90)	

STT/ mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/TH)	Ghi chú
TĐQL1135	Thương mại điện tử	Trang bị những kiến thức căn bản và tính ứng dụng thực tiễn của thương mại điện tử trong doanh nghiệp bao gồm: những khái niệm cơ bản; những nguyên lý về thị trường điện tử và khách hàng; những mô hình kinh doanh thương mại phổ biến hiện nay; kết cấu hạ tầng của thương mại điện tử; những hoạt động như thanh toán điện tử; dịch vụ hỗ trợ, an toàn, bảo mật và các khía cạnh văn hóa, đạo đức, xã hội của thương mại điện tử.	3 TC (30/30/90)	
HKQL1136	Phân tích hoạt động kinh doanh	Những vấn đề chung về phân tích hoạt động kinh doanh; phân tích tình hình sản xuất; phân tích chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm; phân tích tình hình thu nhập, báo cáo tài chính.	2 TC (20/20/60)	
QLQL1137	Quản lý nhà nước về kinh tế	Môn học giới thiệu những chính sách cơ bản của kinh tế; sự vận hành của nền kinh tế một nước và sự can thiệp của chính phủ mỗi quốc gia nhằm đạt được các mục tiêu kinh tế trong từng thời kỳ; quản lý kinh tế là việc triển khai thực hiện quản lý các chính sách kinh tế quan trọng	3 TC (30/30/90)	

STT/ mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/TH)	Ghi chú
		tâm vĩ mô cũng như quản lý kinh tế các chính sách tâm vi mô như chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ, chính sách ngoại thương...; người học sẽ nắm bắt được những kiến thức cơ bản về quản lý trong hoạt động kinh tế, đối tượng, phạm vi, nội dung của quản lý, các phương thức, công cụ trong quản lý nhà nước về kinh tế; các vấn đề có liên quan đến quản lý kinh tế đối ngoại, trong quản lý doanh nghiệp... từ đó có thể ứng dụng vào thực tế công tác của họ và tham mưu cho lãnh đạo trong công tác quản lý kinh tế.		
PDQL1138	Chính sách phát triển vùng dân tộc thiểu số	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chính sách phát triển vùng dân tộc thiểu số Việt Nam; hệ thống các chính sách phát triển vùng dân tộc thiểu số ở Việt Nam qua các thời kỳ; và đổi mới, hoàn thiện chính sách phát triển vùng dân tộc thiểu số thời kỳ hội nhập quốc tế hiện nay; nhận thức rõ tác động của các chính sách đến sự phát triển kinh tế - xã hội tại các vùng miền núi, vùng đồng bào	2 TC (20/20/60)	

STT/ mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/TH)	Ghi chú
		dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa; hiểu được những bất cập, hạn chế và định hướng chính sách phát triển vùng dân tộc thiểu số những năm tiếp theo.		
TVVH1139	Tuyên truyền, vận động ở vùng dân tộc thiểu số	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng tuyên truyền, vận động ở vùng dân tộc thiểu số, từ khái niệm, nội dung đến hình thức tuyên truyền, vận động, từ đó giúp nâng cao hiệu quả công tác sau này.	3 TC (30/30/90)	
QDCB1140	Quản lý giáo dục	Học phần này gồm 5 chương bao gồm những kiến thức về quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục và đào tạo ở Việt Nam. Nội dung chính của học phần gồm những vấn đề như: cách thức tổ chức hoạt động của bộ máy nhà nước Việt Nam, trong đó tập trung đến tổ chức, hoạt động của bộ máy quản lý giáo dục và đào tạo; tính chất, nguyên tắc, chức năng, quy trình quản lý hành chính nhà nước và quản lý giáo dục và đào tạo; đường lối, quan điểm của Đảng và pháp luật của Nhà nước về giáo dục và đào tạo, tập trung	2 TC (20/20/60)	

STT/ mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/TH)	Ghi chú
		những vấn đề liên quan đến nghề sư phạm và người giáo viên; bên cạnh đó, học phần tích hợp giảng dạy các kỹ năng như: tư duy phân tích, tư duy phản biện, tư duy giải quyết vấn đề và kỹ năng làm việc nhóm.		
GDCB1141	Giáo dục dân tộc	Học phần này cung cấp các kiến thức: tổng quan về giáo dục dân tộc; các khái niệm của giáo dục dân tộc; chức năng xã hội của giáo dục dân tộc; đặc điểm của giáo dục dân tộc; chế độ, chính sách đối với giáo dục dân tộc; chất lượng đội ngũ nhà giáo; giải pháp nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo; tăng cường công tác tuyên truyền phát triển giáo dục dân tộc.	3TC (39/12/118)	
GCCB1142	Phát triển giáo dục cộng đồng	Học phần này cung cấp cho sinh viên: các khái niệm, lý thuyết cơ bản về giáo dục cộng đồng; các kỹ năng và phương pháp cần thiết sử dụng trong giáo dục cộng đồng; biết cách thiết kế các buổi sinh hoạt, truyền thông, tập huấn tại cộng đồng tùy theo đối tượng và chủ đề.	3 TC (30/30/90)	

STT/ mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/TH)	Ghi chú
QHCB1143	Quản lý hành chính trong các cơ sở giáo dục	Sinh viên hiểu và nắm vững các kiến thức về: Quản lý hành chính trong các cơ sở giáo dục; Một số vấn đề cơ bản về quản lý hành chính nhà nước; Quan điểm, đường lối của Đảng và Nhà nước về giáo dục và đào tạo; Triển khai thực hiện Luật giáo dục.	2 TC (24/12/72)	
CDCB1144	Chuyển đổi số trong giáo dục dân tộc	Sau khi kết thúc học phần sinh viên sẽ nắm được những hiểu biết cơ bản về giáo dục dân tộc; những kiến thức cơ bản trong chuyển đổi số quốc gia; chuyển đổi số trong các thành tổ giáo dục dân tộc.	3 TC (30/30/90)	
QVQL1145	Quản lý nhà nước theo ngành và lãnh thổ	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên sẽ nắm được những vấn đề cơ bản của quản lý nhà nước theo ngành và lãnh thổ, chu trình quản lý nhà nước theo ngành và lãnh thổ; nắm được nội dung, nguyên tắc kết hợp trong quản lý nhà nước nhà nước theo ngành và lãnh thổ. Từ những kiến thức trên, sau khi ra trường sinh viên có thể vận dụng, đề xuất được những giải pháp chính sách, phương thức quản lý phù hợp với thực tiễn công tác.	3 TC (30/30/90)	

STT/ mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/TH)	Ghi chú
KMQL1146	Kinh tế tài nguyên và môi trường	Giới thiệu vai trò của kinh tế trong quản lý tài nguyên; phân tích những chính sách kinh tế trong quản lý tài nguyên; hướng dẫn phương pháp đánh giá giá trị tài nguyên và môi trường; giới thiệu về phương pháp phân tích chi phí - lợi ích trong đánh giá các dự án, chương trình, chính sách...	3 TC (30/30/90)	
DSVH1147	Giáo dục di sản vùng dân tộc thiểu số	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về di sản văn hóa các dân tộc thiểu số và vấn đề giáo dục di sản; các giải pháp nhằm bảo tồn, phát huy giá trị di sản và định hướng giáo dục di sản vùng dân tộc thiểu số.	3 TC (30/30/90)	
HCCB1148	Hệ thống chính trị cơ sở vùng dân tộc thiểu số	Giúp sinh viên có những kiến thức nền tảng về hệ thống chính trị ở Việt Nam nói chung và hệ thống chính trị cơ sở vùng dân tộc thiểu số nói riêng; nắm vững được vị trí, vai trò của hệ thống chính trị cơ sở trong thực hiện chính sách ở vùng dân tộc thiểu số để từ đó có khả năng vận dụng lý luận, phương pháp và các kỹ năng nghề nghiệp cho công việc sau này.	2 TC (24/12/72)	

STT/ mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/TH)	Ghi chú
QLVH1149	Quản lý văn hóa dân tộc	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, khái quát về văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam (các đặc điểm ngôn ngữ, tính cách, phong tục tập quán,...); những kiến thức về quan điểm và hệ thống chính sách quản lý, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc thiểu số của Đảng và Nhà nước ta.	2TC (17/26/51)	
QXCB1150	Quản lý xã hội về dân tộc	Giúp sinh viên có những kiến thức cơ bản về quản lý xã hội ở Việt Nam nói chung và quản lý xã hội về dân tộc nói riêng; sinh viên có khả năng vận dụng lý luận, phương pháp và các kỹ năng nghề nghiệp cho công việc sau này.	3 TC (30/30/90)	
8.2.2.2. Các học phần tự chọn: 12 tín chỉ (SV chọn các chuyên đề theo 02 hướng ngành Quản lý kinh tế và Quản trị Giáo dục, tích lũy đủ 12 tín chỉ cho mỗi hướng ngành)				
Hướng ngành Quản lý kinh tế				
KCQL1151	Kinh tế công cộng	Học phần bao gồm nội dung cơ sở lý luận về sự cần thiết phải có sự can thiệp của chính phủ vào nền kinh tế để sửa chữa các khuyết tật thị trường; nghiên cứu các trường hợp thị trường thất bại trong thực hiện mục tiêu	2 TC (20/20/60)	

STT/ mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/TH)	Ghi chú
		hiệu quả kinh tế và công bằng xã hội, cụ thể là các trường hợp thị trường thiếu tính cạnh tranh hay độc quyền, hiện tượng ngoại ứng, hàng hoá công cộng, thông tin không hoàn hảo, và sự bất bình đẳng về thu nhập trong xã hội.		
PKCB1152	Phân tích kinh tế xã hội vùng dân tộc thiểu số	Khái quát tình hình kinh tế-xã hội vùng dân tộc thiểu số trên cơ sở lý luận, pháp lý, nội dung các chính sách phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số ở nước ta hiện nay; phân tích nguyên nhân thành tựu và những hạn chế, yếu kém, những cơ hội và thách thức; đề ra một số định hướng và giải pháp chính sách để thực hiện thành công phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số tại Việt Nam, nhằm thúc đẩy sự phát triển và hội nhập ở vùng dân tộc thiểu số nước ta.	2 TC (20/20/60)	
LHQL1153	Lịch sử các học thuyết kinh tế	Cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của của việc nghiên cứu môn Lịch sử các học thuyết kinh tế, hệ thống quan điểm, lý luận kinh tế của các vấn đề tiêu biểu	3 TC (30/30/90)	

STT/ mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/TH)	Ghi chú
		trong học thuyết kinh tế tư sản cổ điển, học thuyết kinh tế chính trị tiểu tư sản, học thuyết kinh tế của chủ nghĩa xã hội không tưởng Tây Âu thế kỷ XIX, quá trình phát sinh và phát triển của Kinh tế chính trị Mác- Lênin, học thuyết kinh tế tư sản hiện đại.		
CKQL1154	Chiến lược và chính sách kinh doanh	Lập kế hoạch kinh doanh là một học phần chuyên sâu về chiến lược và chính sách kinh doanh. Học phần giới thiệu một cách nhìn tổng quát về công tác lập kế hoạch kinh doanh trong doanh nghiệp.	3 TC (30/30/90)	
PCQL1155	Phân tích và đầu tư chứng khoán	Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản và toàn diện về lý luận và thực tiễn cũng như kỹ năng thực hành các nghiệp vụ phân tích và đầu tư chứng khoán. Học phần này đề cập đến: lợi nhuận và rủi ro trong đầu tư chứng khoán, phân tích và định giá chứng khoán, thiết lập danh mục đầu tư chứng khoán.	3 TC (30/30/90)	
ELQL1156	Tiếng Anh thương mại	Trang bị và giúp cho sinh viên sử dụng Tiếng Anh phục vụ cho các hoạt động kinh doanh và thương mại	2 TC (15/30/30)	

STT/ mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/TH)	Ghi chú
		của doanh nghiệp trong việc thực hiện xuất nhập khẩu; soạn thảo các loại văn bản quản lý, hợp đồng giao dịch cho công ty, nhất là công ty có yếu tố nước ngoài; chuyển tải sự hiểu biết về hàng hóa và xu hướng thị trường trong nước và quốc tế giúp cho doanh nghiệp hội nhập thị trường thế giới; đồng thời giúp cho sinh viên khi ra trường tiếp tục học tập chuyên sâu về Tiếng Anh Thương mại, từ đó có khả năng làm việc trong môi trường quốc tế về lĩnh vực thương mại.		
Hướng ngành Quản trị Giáo dục				
GNCB1157	Giáo dục ngôn ngữ dân tộc thiểu số	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về giáo dục ngôn ngữ dân tộc thiểu số ở Việt Nam, qua đó hiểu rõ quan điểm, chủ trương của Đảng, Nhà nước đối với ngôn ngữ dân tộc thiểu số.	3 TC (30/30/90)	
QĐCB1158	Quản trị giáo dục đại học	Cung cấp cho sinh viên những vấn đề cơ bản của giáo dục đại học như: giáo dục đại học trên thế giới; quản trị giáo dục ở Việt Nam. Sinh viên sẽ nắm bắt	3 TC (30/30/90)	

STT/ mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/TH)	Ghi chú
		được thực tiễn phân tầng giáo dục đại học ở Việt Nam, đề xuất các mô hình, tiêu chí phân tầng, xếp hạng, bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục đại học ở Việt Nam		
QGCB1159	Quản lý hoạt động giáo dục trong trường phổ thông	Cung cấp các kiến thức nền tảng về hoạt động giáo dục trong trường phổ thông như: khái niệm; vị trí, vai trò; mục tiêu; nội dung các hoạt động giáo dục; hình thức tổ chức hoạt động giáo dục; kiểm tra đánh giá kết quả hoạt động giáo dục và một số yêu cầu đổi mới hoạt động giáo dục hiện nay; cung cấp những kiến thức về quản lý các hoạt động giáo dục trong trường phổ thông bao gồm: khái niệm; một số yêu cầu đối với công tác quản lý hoạt động giáo dục trong giai đoạn hiện nay; nội dung quản lý các hoạt động giáo dục trong trường phổ thông theo một số cách tiếp cận; thực tế tổ chức hoạt động giáo dục và quản lý hoạt động giáo dục ở trường phổ thông.	3 TC (30/30/90)	

STT/ mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/TH)	Ghi chú
CXVH1160	Công tác xã hội trong trường học	Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức chuyên sâu về công tác xã hội trong trường học (hay còn gọi là công tác xã hội học đường), từ đó tăng cường năng lực thực hiện chức năng xã hội của họ và tạo ra những điều kiện thích hợp nhằm đạt được những mục tiêu trong dạy và học.	3 TC (30/30/90)	
QHCB1161	Giám sát hoạt động giáo dục trong nhà trường	Sau khi học xong Học phần này, sinh viên nắm được các kiến thức cơ bản về giám sát trong trường học: Khái niệm, chức năng, mục đích, đối tượng và tiêu chí giám sát. Sinh viên có kiến thức và kỹ năng về: Xây dựng hệ thống chỉ số giám sát; Hoạt động tự đánh giá trong trường học; các năng lực giám sát của người lãnh đạo.	3TC 30/30/90	
ENCB1162	Tiếng Anh chuyên ngành giáo dục	Học phần này giúp cho sinh viên: hiểu và vận dụng được các thuật ngữ tiếng Anh thông dụng liên quan đến lĩnh vực chuyên ngành quản lý giáo dục thông qua các cấu trúc ngữ pháp, các thuật ngữ chuyên ngành, các bài tập rèn luyện và phát triển các kỹ năng ngôn ngữ; cung cấp cho sinh viên có đủ kiến thức ngôn ngữ để giải thích,		

STT/ mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/TH)	Ghi chú
		trình bày các vấn đề về Quản lý giáo dục bằng các thuật ngữ tiếng Anh chuyên ngành thích hợp; sinh viên có khả năng đọc hiểu, tóm tắt và dịch các tài liệu liên quan đến chuyên ngành Quản lý giáo dục; cung cấp cho sinh viên vốn kiến thức ngữ pháp và từ vựng cần thiết để đọc sách, nghiên cứu tài liệu chuyên ngành, vận dụng các kiến thức ngôn ngữ đã học về Quản lý giáo dục.	3 TC (30/30/90)	
8.3. Phần khóa luận tốt nghiệp và kiến thức thực tập nghiệp vụ: 10 tín chỉ				
Kiến thức thực tập nghiệp vụ: 4 tín chỉ (Sinh viên chọn 1 trong hai hoạt động thực tập)				
TTCB1163	Thực tập 1	Trải nghiệm thực tế về các hoạt động có liên quan đến nghề nghiệp trong tương lai: các hoạt động quản lý kinh tế trong các cơ sở giáo dục, các cơ quan, tổ chức liên quan đến công tác giáo dục, các ban quản lý các chương trình, dự án... Sinh viên có sự hiểu biết đầy đủ về nghề nghiệp của chuyên ngành Kinh tế giáo dục vùng dân tộc thiểu số học để có thái độ tích cực và hướng tới nghề nghiệp phù hợp, góp phần hoàn thiện nhân cách nghề nghiệp.		

STT/ mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/TH)	Ghi chú
TTCB1164	Thực tập 2	Trải nghiệm thực tế về các hoạt động có liên quan đến nghề nghiệp trong tương lai: nghiên cứu, giảng dạy, tham vấn tâm lý,... Từ đó, sinh viên có sự hiểu biết đầy đủ về nghề nghiệp của chuyên ngành Giáo dục học để có thái độ tích cực và hướng tới nghề nghiệp phù hợp, góp phần hoàn thiện nhân cách nghề nghiệp.		
Phân khóa luận: 6 tín chỉ				
KLCB1165	Khóa luận		6	
Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp: 6 tín chỉ				
HƯỚNG NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ				
Học phần bắt buộc (3 tín chỉ)				
QCQL1166	Quản trị chiến lược	Giúp cho sinh viên Phân tích tình hình: môi trường bên trong và bên ngoài về chính trị, môi trường, xã hội, công nghệ; phân tích những yếu tố ảnh hưởng đến tổ chức và phân tích các điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức. Xây dựng chiến lược: Bao gồm việc xác định sứ mệnh, thiết lập các mục tiêu, đề ra các chiến lược, chính sách (các chương trình hành động, ngân sách, quy trình) và đưa ra những hiệu chỉnh cần thiết.	3TC (30/30/90)	

STT/ mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/TH)	Ghi chú
		Học phần cung cấp những kiến thức căn bản về những nguyên lý quản trị chiến lược và sự vận dụng nó trong thực tiễn hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: những khái niệm cơ bản về chiến lược và quản trị chiến lược; mục tiêu sứ mạng của doanh nghiệp; mô hình quản trị chiến lược của doanh nghiệp (hoạch định chiến lược, tổ chức thực hiện chiến lược, đánh giá, kiểm soát, điều chỉnh chiến lược của doanh nghiệp trên cơ sở phân tích về môi trường kinh doanh bên ngoài và bên trong của doanh nghiệp); các chiến lược kinh doanh chủ yếu của doanh nghiệp; các chiến lược cạnh tranh và chiến lược trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế; mục tiêu của học phần là cung cấp những kiến thức cơ bản và có hệ thống về Quản trị chiến lược, giúp cho người học có kỹ năng phân tích, đánh giá và đưa ra những giải pháp cho các vấn đề chiến lược trong doanh nghiệp, giúp nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp, từ đó có thái độ học tập tích cực, có tinh thần khởi nghiệp và có trách nhiệm với xã hội.		

STT/ mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/TH)	Ghi chú
Học phần tự chọn (3 tín chỉ): Sinh viên có thể lựa chọn 01 học phần với 03 tín chỉ				
QKQL1167	Quản trị kinh doanh	Trong chương trình học, sinh viên sẽ cung cấp các kiến thức nền tảng về Kinh doanh như: Những nguyên tắc cơ bản về Kinh tế, Thông tin tài chính cho việc ra quyết định; giới thiệu về Quản trị. Những kiến thức và kỹ năng chuyên môn: Ra quyết định quản lý, Lập kế hoạch kinh doanh, Xây dựng chiến lược kinh doanh, Marketing, tìm kiếm, duy trì, thiết lập mối quan hệ kinh doanh (Quảng cáo, khuyến mãi); quản lý nhân sự, thúc đẩy sự phát triển nhân lực trong doanh nghiệp.	3TC (30/30/90)	
KĐQL1168	Kinh tế đầu tư	Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về kinh tế đầu tư các nhân tố ảnh hưởng đến chi tiêu đầu tư; Hệ số ICOR; đầu tư phát triển, đầu tư tài chính và đầu tư thương mại; nguồn vốn đầu tư; cơ cấu đầu tư; phân tích các yếu tố ảnh hưởng vốn đầu tư và nguồn vốn đầu tư.	3TC (30/30/90)	
		Học phần này cung cấp cho sinh viên hiểu biết về nhu cầu và khả năng cung ứng vốn trong nền kinh tế. Mối quan hệ giữa cung và cầu về	3TC (30/30/90)	

STT/ mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/TH)	Ghi chú
TCQL1169	Thị trường tài chính	các nguồn lực tài chính trong xã hội với các công cụ huy động vốn như trái phiếu, cổ phiếu của các doanh nghiệp, trái phiếu của chính phủ... Thị trường tài chính thu hút, huy động các nguồn tài chính trong và ngoài nước, khuyến khích tiết kiệm và đầu tư; giúp cho sinh viên thấy rõ vai trò thị trường tài chính: (1) góp phần thúc đẩy, nâng cao hiệu quả sử dụng tài chính; (2) Khuyến khích tiết kiệm và đầu tư; (3) Thị trường tài chính thực hiện chính sách tài chính, chính sách tiền tệ của nhà nước. Giúp sinh viên nắm bắt được cơ cấu của thị trường tiền tệ và mối quan hệ giữa thị trường tiền tệ và thị trường vốn; học phần cũng đưa ra các bài tập thực hành cho môn học, sau khi kết thúc học phần, sinh viên sẽ nắm được các kiến thức cơ bản về thị trường tài chính, nhằm tạo cơ sở để sinh viên có kiến thức để tiếp tục học tập và nghiên cứu các môn học chuyên ngành; học phần hình thành cho sinh viên có các kỹ năng phân tích, tổng hợp và tự nghiên cứu các vấn đề sâu hơn liên quan đến thị trường tài chính.		

STT/ mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/TH)	Ghi chú
HƯỚNG NGÀNH QUẢN TRỊ GIÁO DỤC				
Học phần bắt buộc (3 tín chỉ)				
GKCB1170	Giáo dục khởi nghiệp ở vùng dân tộc thiểu số	Sau khi học xong học phần, sinh viên có được những kiến thức nền tảng về giáo dục khởi nghiệp trên cơ sở đó có khả năng vận dụng lí luận, phương pháp làm nền tảng cho các bộ môn khoa học xã hội khác thuộc chuyên ngành.	3TC (30/30/90)	
Học phần tự chọn (3 tín chỉ): <i>Sinh viên có thể lựa chọn 01 học phần với 03 tín chỉ</i>				
HCCB1171	Huy động cộng đồng phát triển giáo dục	Sinh viên nắm vững được những khái niệm cơ bản về cộng đồng, huy động cộng đồng, xã hội hóa giáo dục, huy động cộng đồng phát triển giáo dục. Nắm rõ mục đích ý nghĩa, nội dung, đặc điểm các chiến lược triển khai huy động cộng đồng, xã hội hóa giáo dục... Có những kỹ năng cơ bản phát huy động cộng đồng phát triển giáo dục phù hợp, hiệu quả ở từng vùng, từng địa phương.	3TC (30/30/90)	
TQCB1172	Thông tin và Hệ thống thông tin trong quản trị nhà trường	Sinh viên nắm chắc và vận dụng những kiến thức nền tảng về thông tin, cách lưu trữ thông tin trên máy tính, thông tin quản lý giáo dục, hệ thống, hệ thống thông tin, hệ thống thông tin quản trị	3TC (30/30/90)	

STT/ mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/TH)	Ghi chú
		giáo dục, hệ thống thông tin quản trị nhà trường, có thể sử dụng hệ thống thông tin quản trị giáo dục (EMIS) như là một công cụ hữu hiệu nhằm nâng cao hiệu quả của công tác quản trị nhà trường		
KCCB1173	Lập kế hoạch trong các cơ sở giáo dục	Sinh viên am hiểu về tầm quan trọng của việc xây dựng kế hoạch tuần, tháng, quý, năm, nắm được một số nguyên tắc về xây dựng các loại kế hoạch giáo dục, nắm vững những căn cứ và một số yêu cầu trong xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình giáo dục và các bước lập kế hoạch chi tiết ở các cơ sở giáo dục thông qua phân tích SWOT.	3TC (30/30/90)	

9. Hướng dẫn thực hiện

9.1. Chương trình khung trình độ đại học

Được thiết kế theo hướng thuận lợi cho việc phát triển các chương trình cấu trúc kiểu đơn ngành.

Danh mục các học phần và khối lượng của chúng được đưa ra là những quy định bắt buộc cần thiết, dựa trên cơ sở căn cứ vào mục tiêu, thời gian đào tạo, khối lượng và cơ cấu kiến thức, với tổng khối lượng kiến thức là 141 tín chỉ

Phòng Đào tạo căn cứ Khung chương trình để sắp xếp lịch học toàn khóa và thời khóa biểu mỗi học kỳ, cho người học đăng kí môn học, đảm bảo được tính logic về quá trình nhận thức, đảm bảo được khối lượng kiến thức, thời lượng học tập hợp lý cho mỗi học kỳ, theo quy định của Quy chế. Trong khi tổ

hợp kế hoạch đào tạo của ngành Kinh tế giáo dục vùng dân tộc thiểu số với kế hoạch chung của toàn Học viện, cần lưu ý các môn học tiên quyết (đã ghi trong khung chương trình) để việc đăng ký môn học của người học cũng như tổ chức đào tạo được thuận lợi, đúng tiến độ.

9.2. Phần kiến thức

Được thiết kế theo hướng bố trí các nội dung được lựa chọn, liên quan tới nhiều ngành đào tạo và xét thấy có lợi trong việc mở rộng năng lực hoạt động của sinh viên sau khi tốt nghiệp.

Về các môn học tự chọn: Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kinh tế giáo dục vùng dân tộc thiểu số được thiết kế gồm các môn học bắt buộc và tự chọn. Căn cứ vào nguyện vọng của người học và khả năng, điều kiện cụ thể của đơn vị, cán bộ quản lý đào tạo/cố vấn học tập sẽ định hướng người học trong việc lựa chọn các môn học thuộc nhóm các môn học tự chọn. Việc định hướng này được thực hiện vào đầu năm học. Người quản lý đào tạo cần chú ý điều chỉnh số lượng người học đăng ký lựa chọn mỗi môn học để tránh tổ chức những môn lựa chọn có quá ít người học.

10. Ma trận đóng góp của các học phần vào mức độ đạt được chuẩn đầu ra

(0: Không đóng góp; 1: đóng góp thấp; 2: đóng góp trung bình; 3: đóng góp cao)

Học phần	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo																				
	Kiến thức							Kỹ năng										NLTCVN			
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14	C15	C16	C17	C18	C19	C20	C21
THCB1101	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	1
CTCB1102	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	1	0
CNCB1103	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	0	1
TTCB1104	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	1	1
LSCB1105	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
PLCB1106	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	2	0	1
ELCB1107	0	0	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1
ELCB1108	0	0	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1
TICB1109	0	0	0	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	2
NCCB1110	0	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0
DTVH1111	1	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	0	1	0	0	1	0	1	1
TCCB1112	0	0	0	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0

Học phần	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo																				
	Kiến thức							Kỹ năng										NLTCN			
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14	C15	C16	C17	C18	C19	C20	C21
QPCB1113	1	0	0	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	1	0
QTQL1114	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3	1	0	0	1	0	0	1
VMQL1115	0	0	0	0	0	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	1
VMQL1116	0	0	0	0	0	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	1
KQCB1117	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3	1	0	0	1	0	0	1
TQCB1118	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3	1	0	0	0	1	1	1	1
PDCB1119	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3	1	0	0	0	1	1	1	1
CDCB1120	0	0	0	0	0	0	1	0	3	0	1	1	0	0	0	0	0	1	1	1	1
CSCB1121	0	0	0	0	0	0	1	0	3	0	1	1	0	0	0	0	0	1	1	1	1
NLCB1122	0	0	0	0	0	0	0	1	2	3	0	2	0	2	0	0	0	1	1	1	1
KQQL1123	0	0	0	0	0	0	2	0	0	3	0	0	0	1	1	0	0	1	1	1	1
NKQL1124	0	0	0	0	0	0	2	0	0	3	0	0	0	1	1	0	0	1	1	1	1
LTQL1125	0	0	0	0	0	0	2	0	0	3	0	0	0	1	1	0	0	1	1	1	1
LKQL1126	0	0	0	0	0	0	2	0	0	3	0	0	0	1	1	0	0	1	1	1	1
NTQL1127	0	0	0	0	0	0	2	0	0	3	0	0	0	1	1	0	0	1	0	0	0
LGCB1128	0	0	0	0	0	0	0	2	0	3	0	0	0	1	1	0	0	1	0	0	0
QNCB1129	0	0	0	0	0	0	0	2	0	3	0	0	0	1	1	0	0	1	0	0	0
GDCB1130	0	0	0	0	0	0	0	2	0	3	0	0	0	1	1	0	0	1	0	0	0
TGCB1131	0	0	0	0	0	0	0	2	0	3	0	0	0	1	1	0	0	1	0	0	0
HGCB1132	0	0	0	0	0	0	0	2	0	3	0	0	0	1	1	0	0	1	0	0	0
LKQL1133	0	0	0	0	0	0	1	0	0	2	0	0	0	3	0	0	0	1	1	1	1
KPQL1134	0	0	0	0	0	0	1	0	0	2	0	0	0	3	0	0	0	1	1	1	1
TĐQL1135	0	0	0	0	0	0	1	0	0	2	0	0	0	3	0	0	0	1	1	1	1
HKQL1136	0	0	0	0	0	0	1	0	0	2	0	0	0	3	0	0	0	1	1	1	1
QLQL1137	0	0	0	0	0	0	1	0	0	2	0	0	0	3	0	0	0	1	1	1	1
PDQL1138	0	0	0	0	0	0	1	0	0	2	2	0	0	3	0	0	0	1	1	1	1
TVVH1139	0	0	0	0	0	0	0	0	2	1	1	0	2	0	0	0	3	1	1	1	1
QDCB1140	0	0	0	0	0	0	0	1	3	0	2	0	3	0	0	0	0	1	1	1	1
GDCB1141	0	0	0	0	0	0	0	1	3	0	2	0	3	0	0	0	0	1	1	1	1
GCCB1142	0	0	0	0	0	0	0	1	3	0	2	0	3	0	0	0	0	1	1	1	1

Học phần	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo																				
	Kiến thức							Kỹ năng										NLCTN			
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14	C15	C16	C17	C18	C19	C20	C21
QHCB1143	0	0	0	0	0	0	0	0	1	3	0	2	0	3	0	0	0	1	1	1	1
CĐCB1144	0	0	0	0	0	0	0	0	1	3	0	2	0	3	0	0	0	1	1	1	1
QVQL1145	0	0	0	0	0	0	0	0	3	1	2	0	0	0	1	0	0	1	1	1	1
KTQL1146	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	2	0	3	0	1	0	0	1	1	1	1
DSCB1147	0	0	0	0	0	0	0	0	3	2	0	0	1	0	2	0	0	0	0	0	0
HCCB1148	0	0	0	0	0	0	0	0	2	2	0	0	2	3	0	0	0	1	1	1	1
QLVH1149	0	0	0	0	0	0	0	0	2	2	0	0	2	3	0	0	0	1	1	1	1
QXCB1150	0	0	0	0	0	0	0	0	2	2	0	0	2	3	0	0	0	1	1	1	1
KCQL1151	0	0	0	0	0	0	2	0	0	2	2	0	0	3	0	0	0	1	1	1	1
PKCB1152	0	0	0	0	0	0	2	0	0	2	2	0	0	3	0	0	0	1	1	1	1
LHQL1153	0	0	0	0	0	0	2	0	0	2	2	0	0	3	0	0	0	1	1	1	1
CKQL1154	0	0	0	0	0	0	2	0	0	2	2	0	0	3	0	0	0	1	1	1	1
PCQL1155	0	0	0	0	0	0	2	0	0	2	2	0	0	3	0	0	0	1	1	1	1
ELQL1156	0	0	0	0	0	0	2	0	0	2	2	0	0	3	0	0	0	1	1	1	1
GNCB1157	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0	0	0	3	0	0	0	1	1	1	1
QĐCB1158	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0	0	0	3	0	0	0	1	1	1	1
QGCB1159	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0	0	0	3	0	0	0	0	2	1	1	1
CXVH1160	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0	0	0	3	0	0	0	0	2	1	1	1
QHCB1161	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0	0	0	3	0	0	0	0	2	1	1	1
ENCB1162	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0	0	0	3	0	0	0	0	2	1	1	1
GNCB1157	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0	0	0	3	0	0	0	0	2	1	1	1
TTCB1163	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3	2	1	2	2	2	2
TTCB1164	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3	2	1	2	2	2	2
QCQL1166	0	0	0	0	0	0	3	0	0	2	1	0	0	1	2	0	0	1	1	1	1
QKQL1167	0	0	0	0	0	0	3	0	0	2	1	0	0	1	2	0	2	1	1	1	1
KĐQL1168	0	0	0	0	0	0	3	0	0	2	1	0	0	1	2	0	0	1	1	1	1
TCQL1169	0	0	0	0	0	0	3	0	0	2	1	0	0	1	2	0	0	1	1	1	1
GKCB1170	0	0	0	0	0	0	0	1	0	2	0	0	0	3	1	0	0	1	1	1	1
HCCB1171	0	0	0	0	0	0	0	1	0	2	0	0	0	3	1	0	0	1	1	1	1
TQCB1172	0	0	0	0	0	0	0	1	0	2	0	0	0	3	1	0	0	1	1	1	1
KCCB1173	0	0	0	0	0	0	0	1	0	2	0	0	0	3	1	0	0	1	1	1	1

11. Kế hoạch đào tạo toàn khóa

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Học kỳ							
				1	2	3	4	5	6	7	8
A	1. Kiến thức giáo dục đại cương: 41 tín chỉ (Tính cả GDTC, GDQP - AN)										
1	THCB1101	Triết học Mác Lê Nin	3	3							
2	CTCB1102	Kinh tế chính trị Mác Lê Nin	2		2						
3	CNCB1103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2		2						
4	TTCB1104	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		2						
5	LSCB1105	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2							
6	PLCB1106	Pháp luật đại cương	2	2							
7	ELCB1107	Tiếng Anh 1	3	3							
8	ELCB1108	Tiếng Anh 2	3		3						
9	TICB1109	Tin học cơ sở	3	3							
10	NCCB1110	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2	2							
11	DTVH1111	Các dân tộc thiểu số Việt Nam	3					3			
12	TCCB1112	Giáo dục thể chất	3			3					
13	QPCB1113	Giáo dục quốc phòng - an ninh	11				11				
B	2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 90 tín chỉ										
	2.1. Kiến thức cơ sở ngành 30 tín chỉ										
	2.1.2. Khối kiến thức bắt buộc: 24 tín chỉ										
14	QTQL1114	Quản trị học	3		3						
15	VMQL1115	Kinh tế học vĩ mô	3		3						
16	VMQL1116	Kinh tế học vi mô	3			3					
17	KQCB1117	Khoa học quản lý	3		3						
18	TQCB1118	Tâm lý học quản lý	3			3					
19	PDCB1119	Phân tích dữ liệu kinh tế, xã hội	2				2				
20	CDCB1120	Công tác dân tộc	3					3			
21	CSCB1121	Chính sách dân tộc	2				2				
22	NLCB1122	Phát triển nhân lực dân tộc thiểu số	2				2				

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Học kỳ							
				1	2	3	4	5	6	7	8
Các học phần tự chọn: 6 tín chỉ <i>(SV chọn các môn học theo 02 chương trình Quản lý kinh tế và Quản trị giáo dục, tích lũy đủ 06 tín chỉ mỗi hướng ngành)</i>											
Chương trình: Quản lý kinh tế <i>(SV chọn 06/15 tín chỉ)</i>											
23	KQQL1123	Kinh tế quốc tế	3			3					
24	NKQL1124	Nguyên lý kế toán	3			3					
25	LTQL1125	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	3			3					
26	LKQL1126	Lịch sử kinh tế Việt Nam	3			3					
27	NTQL1127	Nguyên lý thống kê	3			3					
Chương trình: Quản trị giáo dục <i>(SV chọn 06/10 tín chỉ)</i>											
28	LGCB1128	Lịch sử giáo dục Việt Nam	2			2					
29	QNCB1129	Quản lý nhà nước về giáo dục	2			2					
30	GDCB1130	Giáo dục học	2			2					
31	TGCB1131	Thống kê trong giáo dục	2			2					
32	HGCB1132	Hệ thống giáo dục quốc dân	2			2					
2.2 Kiến thức ngành 60 tín chỉ											
Các học phần bắt buộc: 48 tín chỉ											
33	LKQL1133	Luật kinh tế	3			3					
34	KPQL1134	Kinh tế phát triển	3					3			
35	TĐQL1135	Thương mại điện tử	3					3			
36	HKQL1136	Phân tích hoạt động kinh doanh	2					2			
37	QLQL1137	Quản lý nhà nước về kinh tế	3					3			
38	PDQL1138	Chính sách phát triển vùng dân tộc thiểu số	2					2			
39	TVVH1139	Tuyên truyền, vận động ở vùng dân tộc thiểu số	3						3		
40	QDCB1140	Quản lý giáo dục	2						2		

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Học kỳ							
				1	2	3	4	5	6	7	8
41	GDCB1141	Giáo dục dân tộc	3						3		
42	GCCB1142	Phát triển giáo dục cộng đồng	3						3		
43	QHCB1143	Quản lý hành chính trong các cơ sở giáo dục	2						2		
44	CĐCB1144	Chuyển đổi số trong giáo dục dân tộc	3						3		
45	QVQL1145	Quản lý nhà nước theo ngành và lãnh thổ	3						3		
46	KMQL1146	Kinh tế tài nguyên và môi trường	3							3	
47	DSVH1147	Giáo dục di sản vùng dân tộc thiểu số	3								3
48	HCCB1148	Hệ thống chính trị cơ sở vùng dân tộc thiểu số	2							2	
49	QLVH1149	Quản lý văn hóa dân tộc	2							2	
50	QXCB1150	Quản lý xã hội về dân tộc	3								3
Các học phần tự chọn: 12 tín chỉ <i>(SV chọn các chuyên đề theo 02 hướng ngành Quản lý kinh tế và Quản trị giáo dục, tích lũy đủ 12 tín chỉ mỗi hướng ngành)</i>											
Hướng ngành Quản lý kinh tế: 12/15											
51	KCQL1151	Kinh tế công cộng	2							2	
52	PKCB1152	Phân tích kinh tế, xã hội vùng dân tộc thiểu số	2							2	
53	LHQL1153	Lịch sử các học thuyết kinh tế	3							3	
54	CKQL1154	Chiến lược và chính sách kinh doanh	3							3	
55	PCQL1155	Phân tích và đầu tư chứng khoán	3							3	
56	ELQL1156	Tiếng Anh Thương mại	2							2	
Hướng ngành Quản trị Giáo dục: 12/18											
57	GNCB1157	Giáo dục ngôn ngữ dân tộc thiểu số	3							3	
58	QĐCB1158	Quản trị giáo dục đại học	3							3	
59	QGCB1159	Quản lý hoạt động giáo dục trong trường phổ thông	3							3	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Học kỳ							
				1	2	3	4	5	6	7	8
60	CXVH1160	Công tác xã hội trong trường học	3							3	
61	QHCB1161	Giám sát hoạt động giáo dục trong nhà trường	3								
62	ENCB1162	Tiếng Anh chuyên ngành giáo dục	3							3	
C	3. Thực tập tốt nghiệp và làm khóa luận (Hoặc học các học phần thay thế): 10 tín chỉ										
	- Kiến thức thực tập nghiệp vụ: 4 tín chỉ (trong đó, Thực tập 1 cho hướng ngành Quản lý kinh tế; Thực tập 2 cho hướng ngành Quản trị giáo dục)										
63	TTCB1163: Thực tập 1		4								4
64	TTCB1164: Thực tập 2		4								4
65	KLCB1165 - Khóa luận hoặc học phần thay thế		6								6
Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp: 6 tín chỉ											
HƯỚNG NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ											
Học phần thay thế bắt buộc:											
66	QCQL1166	Quản trị chiến lược	3								3
Học phần tự chọn: Sinh viên có thể lựa chọn 01 học phần với 03 tín chỉ:											
67	QKQL1167	Quản trị kinh doanh	3								3
68	KĐQL1168	Kinh tế đầu tư	3								3
69	TCQL1169	Thị trường tài chính	3								3
HƯỚNG NGÀNH QUẢN TRỊ GIÁO DỤC											
Học phần thay thế bắt buộc											
70	GKCB1170	Giáo dục khởi nghiệp ở vùng dân tộc thiểu số	3								3
Học phần tự chọn: Sinh viên có thể lựa chọn 01 học phần với 03 tín chỉ:											
71	HCCB1171	Huy động cộng đồng phát triển giáo dục	3								3
72	TQCB1172	Thông tin và Hệ thống thông tin trong quản trị nhà trường	3								3
73	KCCB1173	Lập kế hoạch trong các cơ sở giáo dục	3								3
	Tổng số		141	15	18	18	17	19	19	19	16